

Số: 1397 /TB-SGDĐT

Hà Nội, ngày 29 tháng 4 năm 2025

THÔNG BÁO

Về việc giao chỉ tiêu học văn hóa chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông cho các trường trung cấp và cao đẳng trên địa bàn thành phố Hà Nội năm học 2025-2026

Căn cứ Quyết định số 11/2025/QĐ-UBND ngày 28/02/2025 của UBND Thành phố về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hà Nội;

Căn cứ Thông tư số 39/2015/TTLT-BLĐTBXH-BGDĐT-BNV ngày 19/10/2015 liên tịch của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ hướng dẫn việc sáp nhập Trung tâm dạy nghề, Trung tâm giáo dục thường xuyên, Trung tâm kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp công lập cấp huyện thành Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên;

Căn cứ Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về Quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy module hoặc theo tín chỉ; Quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp;

Căn cứ Công văn số 2857/BGDĐT-GDTH ngày 31/7/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông kết hợp dạy nghề tại các cơ sở giáo dục thường xuyên;

Căn cứ Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học; Thông tư số 23/2024/TT-BGDĐT ngày 16/12/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số điều ban hành kèm theo Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 01/2023/TT-BGDĐT ngày 06/01/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên;

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Handwritten signature

Căn cứ Nghị định số 125/2024/NĐ-CP ngày 05/10/2024 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục;

Căn cứ Thông tư số 30/2024/TT-BGDĐT ngày 30/12/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh trung học cơ sở và tuyển sinh trung học phổ thông;

Căn cứ Quyết định số 6399/QĐ-UBND ngày 12/12/2024 của UBND Thành phố về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán thu, chi ngân sách năm 2025 thành phố Hà Nội;

Căn cứ văn bản xác định chỉ tiêu học văn hóa chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông năm học 2025-2026 của các trường trung cấp và cao đẳng trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Căn cứ Biên bản cuộc họp của Hội đồng giao chỉ tiêu tuyển sinh năm học 2025-2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội.

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính, Phó Trưởng phòng phụ trách Phòng Giáo dục thường xuyên, Giáo dục nghề nghiệp và Đại học, Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội thông báo:

- Đối tượng tuyển sinh: Học sinh đã hoàn thành chương trình trung học cơ sở trên địa bàn 30 quận, huyện, thị xã thuộc thành phố Hà Nội;
- Phương thức đào tạo: Giáo dục nghề nghiệp trình độ trung cấp kết hợp với học văn hóa chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông;
- Quyền lợi người học: Học sinh học văn hóa chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông đủ điều kiện theo quy định được đăng ký tham dự kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông;
- Giao 46 cơ sở giáo dục nghề nghiệp với 312 lớp 13.485 học viên.

(Có phụ lục chi tiết đơn vị và địa chỉ đào tạo đính kèm)

Sở Giáo dục và Đào tạo đề nghị Thủ trưởng các đơn vị có trách nhiệm tổ chức tuyển sinh đúng chỉ tiêu, đúng quy chế và hướng dẫn tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội quy định.

Nơi nhận:

- UBND Thành phố;
- Công an Thành phố Hà Nội;
- UBND quận, huyện, thị xã;
- Đ/c Giám đốc Sở;
- Các đ/c Phó Giám đốc;
- Các phòng thuộc Sở;
- Các trung tâm GDNH-GDTX;
- Lưu: VT, KHTC.

**TL. GIÁM ĐỐC
KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**



Nguyễn Trung Hiếu

CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TUYỂN SINH LỚP 10 LIÊN KẾT HỌC CHƯƠNG TRÌNH GDTX CẤP THPT NĂM HỌC 2025-2026

(Kèm theo Thông báo số **1337** /TB-SGDĐT ngày **29** /4/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội)

Chỉ tiêu giao năm học 2025- 2026													Địa chỉ tuyển sinh	Đơn vị liên kết	Ghi chú
Mã	Tên trường	Quận/huyện	Số lớp				Số học viên								
			Tổng số	Chia ra			Tổng số	Chia ra							
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12	Lớp 10		Lớp 11	Lớp 12	Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12			
	TỔNG CỘNG		680	312	196	172	29.594	13.485	8.613	7.496					
1	Trường Cao đẳng Ngoại ngữ và Công nghệ Hà Nội	Bắc Từ Liêm	15	7	6	2	617	315	228	74	Số 1 phố Kiều Mai, Phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm	GDNN-GDTX Hoài Đức			
2	Trường Cao đẳng nghề Nguyễn Trãi	Bắc Từ Liêm	22	7	7	8	809	270	266	273	Cơ sở 1 Số 36A, đường Phạm Văn Đồng, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, Cơ sở 2 tại 28A Lê Trọng Tấn, quận Hà Đông	GDNN-GDTX Tây Hồ	CS 1 90, CS 2 180		
3	Trường Cao đẳng Kinh tế Công nghệ Hà Nội	Bắc Từ Liêm	2	2			90	90			Tổ dân phố Văn Trì, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm	GDNN-GDTX Nam Từ Liêm			
4	Trường Cao đẳng Du lịch Hà Nội	Bắc Từ Liêm	2	2			90	90			Số 236 Hoàng Quốc Việt, Cổ Nhuế 1, Bắc Từ Liêm	GDNN-GDTX Cầu Giấy			
5	Trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội	Cầu Giấy	17	8	5	4	770	360	230	180	Số 10, đường Nguyễn Văn Huyền phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy	GDNN-GDTX Cầu Giấy			
6	Trường Cao đẳng Kinh tế Công nghiệp Hà Nội	Cầu Giấy	19	6	6	7	814	250	262	302	CS1 Số 143 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy CS2 Số 106 Tân Thanh Oai, Thanh Trì, Hà Nội	GDNN-GDTX Thanh Xuân	CS1 80, CS2 170		
7	Trường Cao đẳng Cơ điện Hà Nội	Cầu Giấy	34	19	7	8	1.369	820	261	288	CS1 Số 160 phố Mai Dịch, phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy, CS2 số 111 Phan Trọng Tuệ, Thanh Trì, CS 4 (Trường CĐ Công nghệ và Kinh tế HN cũ) xã Đông Xuân huyện Sóc Sơn, Hà Nội, CS 7 (Trường CĐ Cơ điện và Công nghệ thực phẩm cũ) Thị trấn Phú Minh huyện Phú Xuyên HN	GDNN-GDTX Ba Đình (day CS1, CS2, CS4), GDNN-GDTX Mỹ Đức (day CS7)	CS1 200, CS2 200, CS4 120, CS7 300		
8	Trường Trung cấp nghề Du lịch Hà Nội	Cầu Giấy	9	3	3	3	316	100	116	100	Số 14, ngõ 143 đường Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy	GDNN-GDTX Cầu Giấy			
9	Trường Cao đẳng Kỹ thuật và Nghiệp vụ Hà Nội	Cầu Giấy	9	5	2	2	327	200	70	57	Số 169, Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy	GDNN-GDTX Cầu Giấy			
10	Trường Cao đẳng Công đồng Hà Nội	Cầu Giấy	5	3	1	1	250	135	60	55	Số 102 đường Trung Kính, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy	GDNN-GDTX Hai Bà Trưng			

[Signature]

Mã	Tên trường	Quận/huyện	Chỉ tiêu giao năm học 2025- 2026										Đơn vị liên kết	Ghi chú
			Số lớp				Số học viên							
			Tổng số	Chia ra			Tổng số	Chia ra						
				Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12		Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12				
11	Trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch Hà Nội	Cầu Giấy	7	5	2		323	225	98		GDNN-GDTX Cầu Giấy			
12	Trường Cao đẳng nghề Công nghiệp Hà Nội	Đống Đa	32	13	10	9	1.430	575	484	371	GDNN-GDTX Tây Hồ			
13	Trường Trung cấp Công nghệ và Kinh tế đối ngoại	Đống Đa	3	2	-	1	89	80	-	9	GDNN-GDTX Tây Hồ	CS1 40, CS2 40		
14	Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Thương Mại	Hà Đông	16	6	5	5	718	270	223	225	GDNN-GDTX Hà Đông			
15	Trường Trung cấp quốc tế Việt Đức	Hà Đông	7	7			260	260			GDNN-GDTX Tây Hồ	CS 1 60, CS 2 200		
16	Trường Cao đẳng Xây dựng số 1	Nam Từ Liêm	26	9	8	9	1.019	400	330	289	GDNN-GDTX Đan Phượng			
17	Trường Cao đẳng Bách nghệ Hà Nội	Hoài Đức	6	3	1	2	204	120	32	52	GDNN-GDTX Cầu Giấy			
18	Trường Cao đẳng Việt - Mỹ Hà Nội	Nam Từ Liêm	13	7	4	2	665	305	225	135	GDNN-GDTX Tây Hồ			
19	Trường Cao đẳng nghề Long Biên	Long Biên	17	6	6	5	660	240	220	200	GDNN-GDTX Long Biên			
20	Trường Trung cấp Công nghệ Bách Khoa Hà Nội	Long Biên	4	4			175	175			GDNN-GDTX Gia Lâm			
21	Trường Cao đẳng Công nghệ cao Hà Nội	Nam Từ Liêm	32	14	10	8	1.474	570	526	378	GDNN-GDTX Hoài Đức	CS1 450, CS2 120		
22	Trường Cao đẳng Giao thông vận tải Trung ương I	Ba Vì	27	10	8	9	1.212	450	359	403	GDNN-GDTX Ba Vì			
23	Trường Cao đẳng Công đồng Hà Tây	Chương Mỹ	33	13	11	9	1.480	585	489	406	GDNN-GDTX Chương Mỹ			

Mã	Tên trường	Quận/huyện	Chỉ tiêu giao năm học 2025- 2026										Đơn vị liên kết	Ghi chú
			Số lớp				Số học viên							
			Tổng số	Chia ra			Tổng số	Chia ra						
				Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12		Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12				
24	Trường Cao đẳng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Bắc Bộ	Chương Mỹ	11	5	3	3	496	225	151	120	GDNN-GDTX Chương Mỹ			
25	Trường Trung cấp nghề Công nghệ Tây An	Đan Phượng	6	3	2	1	225	120	56	49	GDNN-GDTX Hoài Đức			
26	Trường Cao đẳng Công nghệ và Thương mại Hà Nội - Bộ LĐTB-XH	Đan Phượng	9	4	2	3	308	150	69	89	GDNN-GDTX Đan Phượng			
27	Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật Công nghệ	Đông Anh	40	15	13	12	1.855	675	625	555	GDNN-GDTX Đông Anh			
28	Trường Cao đẳng nghề Việt Nam - Hàn Quốc thành phố Hà Nội	Đông Anh	42	14	14	14	1.823	595	539	689	GDNN-GDTX Đông Anh			
29	Trường Trung cấp nghề Cơ khí Xây dựng	Gia Lâm	11	5	3	3	461	225	126	110	GDNN-GDTX Gia Lâm			
30	Trường Cao đẳng Xây dựng Công trình Đô thị - Bộ Xây dựng	Gia Lâm	37	13	12	12	1.631	585	536	510	GDNN-GDTX Cầu Giấy			
31	Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Mỹ nghệ Việt Nam	Gia Lâm	7	3	2	2	300	135	72	93	GDNN-GDTX Hai Bà Trưng			
32	Trường Cao đẳng Quốc tế Hà Nội	Quốc Oai	16	11	2	3	835	490	249	96	GDNN-GDTX Cầu Giấy	CS 1 220, CS 2 270		
33	Trường Trung cấp Viết Dục	Quốc Oai	2	2			90	90			GDNN-GDTX Nam Từ Liêm			
34	Trường Trung cấp Ngoại thương	Quốc Oai	6	6			255	255			GDNN-GDTX quận Tây Hồ	CS 120, CS2 135		
35	Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương Mại	Sóc Sơn	10	5	2	3	361	185	67	109	GDNN-GDTX Sóc Sơn			
36	Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Phan Chu Trinh	Sóc Sơn	35	15	15	5	1.908	675	624	609	GDNN-GDTX Sóc Sơn			

Mã	Tên trường	Quận/huyện	Chỉ tiêu giao năm học 2025- 2026										Đơn vị liên kết	Ghi chú
			Số lớp			Số học viên								
			Tổng số	Chưa ra			Tổng số	Chưa ra						
				Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12		Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12				
37	Trường Trung cấp Ngô Quyền Hà Nội (tên cũ là Trường Trung cấp Y - Dược Công đồng Hà Nội)	Sơn Tây	6	2	2	2	240	90	83	67	ĐK Cơ sở tại số 59, đường Hữu nghị, phường Xuân Khanh, thị xã Sơn Tây (thuộc Trường đại học Lao động - Xã hội),	GDNN-GDTX Đông Anh		
38	Trường Trung cấp Công nghệ và Du lịch Hà Nội	Thạch Thất	8	3	3	2	298	125	120	53	Xã Yên Bình, huyện Thạch Thất	GDNN-GDTX Thạch Thất		
39	Trường Cao đẳng Truyền hình	Thường Tín	22	8	7	7	944	350	312	282	137 Trần Phú, Thị trấn Thường Tín, huyện Thường Tín	GDNN-GDTX Cầu Giấy		
40	Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Công nghệ Bạch Khoa	Thường Tín	29	15	8	6	1.270	675	327	268	Xã Văn Bình, huyện Thường Tín	GDNN-GDTX Thanh Trì		
41	Trường Trung cấp Công nghệ Thăng Long	Đan Phượng	10	6	4	0	448	270	178	0	Số 146 phố Tây Sơn, thị trấn Phùng huyện Đan Phượng	GDNN-GDTX Hoài Đức		
42	Trường Cao đẳng Ngoại ngữ - Công nghệ và Truyền thông	Hoài Đức	2	2			90	90			Xã Văn Canh, huyện Hoài Đức	GDNN-GDTX Đan Phượng		
43	Trường Trung cấp Kỹ thuật đa ngành Hà Nội	Hoài Đức	4	4			175	175			Số 13 và 14 Lô A22-NV10 KĐT mới hai bên đường Lê Trọng Tấn xã An Khánh, Hoài Đức, HN	GDNN-GDTX Hà Đông		
44	Trường Cao đẳng công nghiệp	Đông Anh	3	3			105	105			Thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, Hà Nội	GDNN-GDTX Đông Anh		
45	Trường Trung cấp nghề Sơn Tây	Sơn Tây	4	4			180	180			Xã Thanh Mỹ, thị xã Sơn Tây, Hà Nội	GNNN-GDTX Sơn Tây		
46	Trường Cao đẳng ngoại ngữ Hà Nội	Thanh Oai	3	3			135	135			Xã Bình Minh, huyện Thanh Oai, Hà Nội	GDNN-GDTX Hà Đông		